

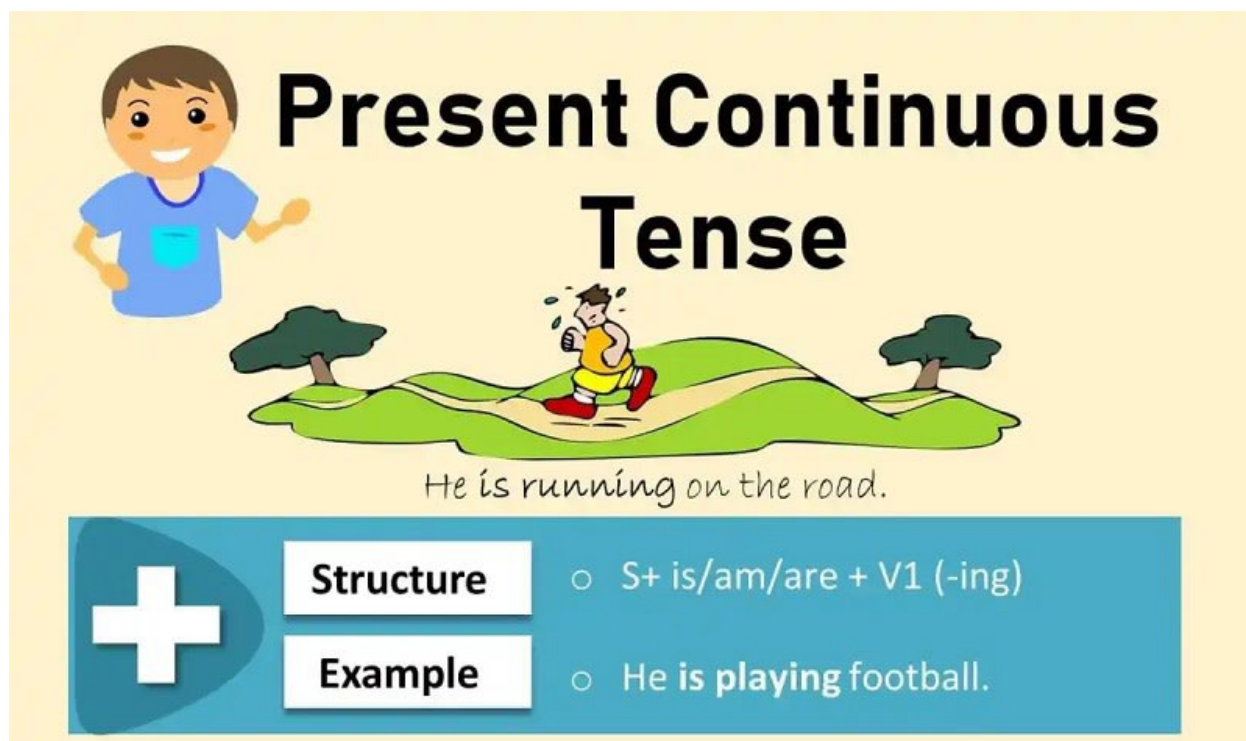
1. Thì Hiện tại tiếp diễn là gì?

Thì Hiện tại tiếp diễn (Present Continuous tense) diễn tả những hành động hoặc sự việc diễn ra tại lúc đó hoặc xung quanh thời điểm nói. Những sự việc, hành động này vẫn chưa chấm dứt và vẫn tiếp tục diễn ra đến thời điểm hiện tại.

Một vài ví dụ về thì Hiện tại tiếp diễn:

- The band is playing live in Birmingham tonight.
- The nurse is coming to give you an injection.
- Would someone please tell me what is going on?

2. Công thức thì Hiện tại tiếp diễn



The infographic features a yellow background. On the left, a cartoon boy in a blue shirt stands next to a green landscape with rolling hills, trees, and a path where a person is running. The title 'Present Continuous Tense' is written in large, bold, black letters. Below the title, the sentence 'He is running on the road.' is written in a cursive font. At the bottom, a blue box contains a white plus sign icon, a 'Structure' section with the formula 'S+ is/am/are + V1 (-ing)', and an 'Example' section with the sentence 'He is playing football.'

Present Continuous Tense

He is running on the road.

Structure ○ S+ is/am/are + V1 (-ing)

Example ○ He is playing football.

Loại câu	Công thức thì Hiện tại tiếp diễn
Thẻ khẳng định	S + am/is/are + V-ing

	Ví dụ: The city is planning to build a municipal library.
Thể phủ định	S + am/ is/ are + not + V-ing Ví dụ: Those employees aren't talking about the new project.
Câu nghi vấn (Yes/No Question)	Am/ Is/ Are + S + V-ing? Câu trả lời: Yes, S + am/is/are. No, S + am/is/are + not. Ví dụ: Are you ready to order, Madam? → Yes, I am./ No, I'm not.
Câu nghi vấn (WH- question)	Wh-question + will + S + be + V-ing? Ví dụ: What is he studying right now?

3. Dấu hiệu nhận biết thì Hiện tại tiếp diễn

Trạng từ chỉ thời gian	<ul style="list-style-type: none"> • now • right now • at the moment • at present • It's + giờ cụ thể + now <p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • "I'm going now" she said, fastening her coat. • Can you give us a summary of what you are doing now? 	Trạng từ chỉ thời gian
------------------------	--	------------------------

Các trạng từ hoặc cụm từ diễn tả tần suất cao	<ul style="list-style-type: none"> • always • usually • constantly • all the time 	Các trạng từ hoặc cụm từ diễn tả tần suất cao
--	---	--

4. Cách dùng thì Hiện tại đơn

Cách dùng	Ví dụ
Diễn tả sự việc/ hành động đang xảy ra tại thời điểm nói	The house is being built at the moment.
Diễn tả một hành động hoặc sự việc đang diễn ra nhưng không nhất thiết phải xảy ra ngay lúc nói.	He is reading “Gone with the wind” Tom is looking for a job.
Diễn tả hành động sẽ xảy ra trong tương lai gần, thường là đề cập về kế hoạch đã được lên lịch sẵn.	Mr Samuels is flying to Detroit to finalize the details and sign the contract.
Dùng để diễn tả một sự phàn nàn về hành động nào đó do người khác gây ra khiến người nói bức mình. Trong trường hợp này, câu vẫn sẽ có các trạng từ chỉ tần suất như continually, always	She is always going to work late.
Diễn tả sự việc/ hành động đang xảy ra tại thời điểm nói	The house is being built at the moment.

Diễn tả một hành động hoặc sự việc đang diễn ra nhưng không nhất thiết phải xảy ra ngay lúc nói.	He is reading “Gone with the wind” Tom is looking for a job.
--	---